

Bản án số:158/2019/HS-ST
Ngày: 21- 8- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Hữu Tâm.
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 160/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Duy T**, sinh năm 1987, tại tỉnh Tiền Giang; giới tính: Nam; nơi ĐKHKTT: Ấp Hậu Phú 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Trần Văn T (Chết); họ và tên mẹ: Trần Thị Lê T, sinh năm 1960; bị cáo chưa có vợ, con.

Nhân thân:

Ngày 06/11/2014, có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, bị Công an Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định số 108/QĐ – VPHC.

Ngày 15/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử vi phạm lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, theo Quyết định số 103/QĐ – TA, ngày 10/9/2016, chấp hành xong theo Giấy chứng nhận số 150/GCN của Giám đốc Trung tâm giáo dục lao động xã hội Phú Nghĩa.

Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 21/4/2019.

2. Họ và tên: **Bùi Văn H**, sinh năm 1996, tại tỉnh Bến Tre; giới tính: Nam; nơi ĐKHKTT: 204/TQ ấp 6, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Bùi Văn D, sinh năm 1968; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 21/4/2019.

(Hai bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thị Lệ T, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp Hậu Phú 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

2. Ông Phạm Ngọc B, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp 6, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

3. Bà Bùi Thị Trúc D, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp Núi Tung, xã S, thị xã L, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

4. Ông Phạm Bá L, sinh năm 1980 - Chủ cửa hàng mua bán xe gắn máy Duy Đức; địa chỉ: Tổ 2, ấp Thanh Thọ, xã P, huyện Tân P, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Duy T và Bùi Văn H có mối quan hệ là bạn bè và cùng nghiện ma túy. Ngày 19/4/2019, trong lúc lên Thành phố Hồ Chí Minh liên hệ công việc, H gặp T và cùng thuê phòng 209 khách sạn Ngọc Bảo tại địa chỉ số 01 đường số 5, khu dân cư Trung Sơn, ấp 4B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh để ở. Trưa ngày 20/4/2019, do thấy phòng 209 không sạch sẽ, H và T cùng gặp ông Nguyễn Trọng H là quản lý khách sạn Ngọc Bảo xin chuyển qua thuê phòng 107. Đến khoảng 22 giờ ngày 20/4/2019, T rủ H hùn tiền mua ma túy đá về để cả 02 cùng nhau sử dụng, H đồng ý và thống nhất mỗi người hùn 500.000đồng rồi đưa cho T cất giữ để mua ma túy. T thông qua một người bạn ngoài xã hội (không rõ lai lịch) xin số điện thoại và liên lạc với người bán ma túy qua ứng dụng zalo có nick là “xoa di qua khu” đặt mua 01 gói ma túy đá với giá 1.000.000đồng, người bán ma túy đồng ý và hẹn địa điểm giao dịch cạnh khách sạn Ngọc Bảo. Một lúc sau, T đi bộ xuống và gặp 01 thanh niên (không rõ lai lịch) cạnh khách sạn Ngọc Bảo, nhận gói ma túy đá và đưa tiền rồi quay về phòng 107. Sau đó, T xóa số điện thoại liên lạc của nick “xoa di qua khu” trên điện thoại di động (xóa thông tin trò chuyện, không kết bạn) và cùng H lấy một ít ma túy đá ra sử dụng chung, số ma túy còn lại cả hai cất vào trong hộp mắt kính để trên ghế gỗ trong phòng để sử dụng dần.

Đến khoảng 23 giờ 56 phút ngày 20/4/2019, Công an xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh phối hợp Phòng PC06 – Công an Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra phòng 107 khách sạn Ngọc Bảo. Tại thời điểm kiểm tra, trong phòng có Trần Duy T và Bùi Văn H. Qua kiểm tra, lực lượng công an phát hiện trên ghế gỗ (đặt cạnh giường ngủ trong phòng) có 01 hộp mắt kính bên trong có 01 gói nylon hàn kín chứa tinh thể rắn không màu mà T và H đều khai nhận là ma túy tổng hợp, dùng để sử dụng cho bản thân, nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong tang vật rồi chuyển đến Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh xử lý

Test nhanh ma túy cho thấy Trần Duy T và Bùi Văn H có kết quả dương tính với ma túy tổng hợp.

Qua kiểm tra thông tin trên điện thoại di động hiệu Iphone (nhật ký tin nhắn, cuộc gọi và nhật ký zalo) thu của T thì không thể hiện nội dung liên lạc mua bán trái phép chất ma túy, phù hợp với lời khai của T về việc đã xóa hết các thông tin này.

Tại Bản kết luận giám định số 941/KLGD-H ngày 26/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3251g, loại Methamphetamine (sau giám định còn lại là 0,2093g).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì Trần Duy T và Bùi Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên. Lời khai nhận tội của cả hai là phù hợp với nhau và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ.

Vật chứng thu giữ gồm:

1/ 01 gói nylon hàn kín chứa tinh thể rắn không màu; Qua giám định là Methamphetamine có khối lượng 0,3251g (sau giám định còn lại là 0,2093g).

2/ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 01 quẹt gas, 01 hộp mắt kính, là công cụ phương tiện phạm tội và dùng để sử dụng trái phép chất ma túy.

3/ 01 điện thoại di động hiệu Epic, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen thu của bị cáo T.

4/ 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, 01 laptop hiệu HP, thu của bị cáo H.

5/ 01 con dao bằng kim loại thu của bị cáo H.

6/ 01 xe mô tô biển số 63H6-4636. Qua xác minh cho thấy xe mô tô này thuộc sở hữu của bà Trần Thị Lệ T (mẹ bị cáo T).

7/ 01 xe mô tô biển số 60B4-189.85. Qua xác minh cho thấy xe mô tô này do ông Phạm Ngọc B đăng ký sở hữu; ông Bình đã bán lại xe cho cửa hàng mua bán xe Duy Đức ở xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Bà Bùi Thị Trúc D (chị bị cáo H) mua lại xe mô tô trên bằng giấy tay (có giấy tờ xe) và bán lại cho bị cáo H từ đầu năm 2018.

Các vật chứng trên, hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 16/8/2019 giữa Công an huyện Bình Chánh và Cơ quan thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

Tại Cáo trạng số 167/CT-VKS ngày 30/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trần Duy T và Bùi Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Duy T và Bùi Văn H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố các bị cáo. Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và

vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Duy T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Duy T và Bùi Văn H tại tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (BL: 88 - 89; 105 - 106; 141 - 144); phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, thu giữ vật chứng, kết quả giám định vật chứng, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang... Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 20/4/2019, các bị cáo Trần Duy T và Bùi Văn H đã có hành vi tàng trữ 0,3251gram ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine (Theo Kết luận giám định số 941/KLGD-H ngày 26/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành Phố Hồ Chí Minh) với mục đích dùng để sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện bắt quả tang vào lúc 00 giờ 05 phút ngày 21/4/2019, tại phòng 107, khách sạn Ngọc Bảo ở địa chỉ số 01 đường số 5, khu dân cư Trung Sơn, ấp 4B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Với những tình tiết được chứng minh tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Duy T và Bùi Văn H đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố các bị cáo với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

[4] Tội phạm do các bị cáo gây ra là nguy hại cho xã hội, mặc dù các bị cáo biết rõ ma túy là loại biệt dược được Nhà nước thống nhất quản lý hết sức chặt chẽ, mọi hành vi liên quan đến ma túy từng mức độ sẽ bị xử lý hình sự. Các bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Song chỉ vì muốn có ma túy sử dụng cho bản thân nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương là tiền đề phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do đó, khi lượng hình cần có mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân của các bị cáo: Bị cáo T là người có nhân thân xấu, nghiện ma túy từ lâu và đã từng bị đưa đi cai nghiện ma túy nhưng khi tái hòa nhập cộng đồng bị cáo không

từ bỏ được ma túy mà tiếp tục tái nghiện, cụ thể: Ngày 06/11/2014, có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, bị Công an Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định số 108/QĐ – VPHC; ngày 15/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, theo Quyết định số 103/QĐ – TA, ngày 10/9/2016, chấp hành xong theo Giấy chứng nhận số 150/GCN của Giám đốc Trung tâm giáo dục lao động xã hội Phú Nghĩa. Cũng như trong vụ án, bị cáo T là người rủ, liên lạc và mua ma túy; bị cáo H với vai trò đồng phạm giúp sức, khi được T rủ là đồng ý hùn 500.000 đồng để T đi mua ma túy về khách sạn sử dụng chung. Do đó, khi lượng hình mức hình phạt tù của bị cáo T sẽ cao hơn bị cáo H là phù hợp với nhân thân, vai trò, hành vi phạm tội của bị cáo T.

[6] Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, chưa có tiền án, tiền sự (tiền sự của bị cáo T đã được xóa) nên Hội đồng xét xử áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[7] Đối với người bán ma túy cho bị cáo T do không xác định rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Đối với ông Nguyễn Trọng H là quản lý khách sạn Ngọc Bảo, qua điều tra xác định ông H không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý.

[9] Qua điều tra xác định các bị cáo cùng hùn tiền mua ma túy và thuê phòng 107 của khách sạn Ngọc Bảo để sử dụng chung ma túy nên hành vi của các bị cáo không có dấu hiệu phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[10] Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với 01 gói nylon hàn kín bên trong có chứa ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,3251g (sau giám định còn lại là 0,2093g); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 01 queet gas, 01 hộp mắt kính, 01 con dao bằng kim loại; đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành và công cụ, phương tiện phạm tội, xét không có giá trị nên căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen thu giữ của bị cáo T, bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên không xét trả lại cho bị cáo mà sẽ tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định Điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, 01 laptop hiệu HP thu giữ của bị cáo H và 01 điện thoại di động hiệu Epic thu giữ của bị cáo T, xét các tài sản này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, nghĩ trả lại cho các bị cáo theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô biển số 63H6-4636. Qua xác minh cho thấy xe mô tô này thuộc sở hữu của bà Trần Thị Lệ T là mẹ bị cáo T, bà T khai nhận ngày 20/4/2019, bà cho bị cáo T mượn đi làm, sau đó bị Công an thu giữ, bà yêu cầu được nhận lại xe. Xét, xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của bà Thủy, bị cáo T không dùng làm phương tiện phạm tội nên nghĩ trả lại cho bà T là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô biển số 60B4-189.85. Qua xác minh cho thấy xe mô tô này do ông Phạm Ngọc B đăng ký sở hữu; ông B khai đã bán lại xe này cho cửa hàng mua bán xe Duy Đức ở xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai do ông Phạm Bá L làm chủ. Bà Bùi Thị Trúc D là chị bị cáo H mua lại xe mô tô trên bằng Giấy tay (có giấy tờ xe) của cửa hàng mua bán xe máy Duy Đức rồi bán lại cho bị cáo H từ đầu năm 2018. Qua điều tra xác định bị cáo H không dùng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội nên nghĩ trả lại cho bị cáo H là phù hợp.

[11] Về hình phạt bổ sung: Ở dạng tội phạm này ngoài hình phạt chính là phạt tù thì các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền nên cần áp dụng Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) phạt mỗi bị cáo một số tiền nhất định để nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Duy T và Bùi Văn H cùng phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 5 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Duy T.

Xử phạt bị cáo Trần Duy T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2019.

Buộc bị cáo T nộp phạt số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 5 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Bùi Văn H.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2019.

Buộc bị cáo H nộp phạt số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Việc các bị cáo nộp số tiền phạt nêu trên phải được thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về vật chứng: Căn cứ vào các Điểm a, b Khoản 2; Điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 gói nylon hàn kín bên trong có chứa ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,3251g (sau giám định còn lại là 0,2093g); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 01 quẹt gas, 01 hộp mắt kính, 01 con dao bằng kim loại.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen.

Trả lại cho bà Trần Thị Lệ T 01 xe mô tô biển số 63H6-4636.

Trả lại cho bị cáo Bùi Văn H 01 xe mô tô biển số 60B4-189.85, 01 điện thoại di động

hiệu Samsung màu đen và 01 Laptop hiệu HP.

Trả lại cho bị cáo Trần Duy T 01 điện thoại di động hiệu Epic.

(các vật chứng này hiện đang giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 16/8/2019 giữa Công an huyện Bình Chánh và Cơ quan thi hành án dân sự huyện Bình Chánh).

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Công an huyện Bình Chánh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Chi cục thi hành án DS H. Bình Chánh;
- Sở Tư pháp, Tp.HCM;
- Công an PC53;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hoàng Sơn